

Bản án số: **24/2026/HNGĐ-ST**

Ngày : 30/3/2026

“V/v : *Xin ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - AN GIANG

Thành phần Hội Đồng Xét Xử Sơ Thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Đạt**

2. Ông **Trần Tấn Kiệt**

Thư ký phiên tòa: Ông **Dương Hoàng Thân** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - tỉnh An Giang

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân Khu vực 8 – An Giang tham gia phiên tòa: Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2025/HNGĐ-ST, ngày 17 tháng 10 năm 2025 về: “Xin ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/QĐXXST - HNGĐ, ngày 24 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ 02, ấp G, PQ, tỉnh AG. Có đơn xin vắng.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1996. Địa chỉ: Tổ 06, ấp C, xã Đ, tỉnh AG. Có đơn xin vắng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 14/8/2025 ông Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị Nguyễn Thị B chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn được UBND xã G, thành phố P, tỉnh KG (cũ) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/3/2018. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hay cãi nhau từ những chuyện nhỏ nhặt, vợ chồng không còn tiếng nói chung, do vậy anh chị đã

sống ly thân đến nay được 04 năm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không thể kéo dài, nên anh xin được ly hôn với Nguyễn Thị B.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 04/7/2018. Ly hôn anh đồng ý cho chị B được chăm sóc nuôi dưỡng con Nguyễn Ngọc A đến tuổi trưởng thành, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 09/3/2026 chị Nguyễn Thị B trình bày: Về hôn nhân chị với anh Nguyễn Văn H chung sống với nhau từ tháng 3/2018 có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài là đúng, nay anh H yêu cầu ly hôn chị đồng ý.

Về con chung: chị B với anh H có 01 người con chung Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 04/7/2018. Hiện tại con đang sống cùng chị, ly hôn chị yêu cầu được nuôi con Nguyễn Ngọc Anh đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật:

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị B là bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp C, xã H, tỉnh AG nên khi có yêu cầu giải quyết vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – An Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025.

Về quan hệ pháp luật: Giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị B chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nay yêu cầu ly hôn thì quan hệ pháp luật của vụ kiện này là “Xin ly hôn” được áp dụng các quy định của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ kiện.

Về thủ tục tố tụng: Anh H và chị B có đơn xin tòa án xét xử vắng mặt, do vậy căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tòa án xét xử vắng mặt anh H và chị B.

[2] Về hôn nhân giữa anh H và chị B chung sống với nhau từ năm 2018 đến có đăng ký kết hôn do vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là có giá trị pháp lý. Qua làm việc anh H xin ly hôn chị B cũng đồng ý ly hôn do vậy HĐXX (hội đồng xét xử) ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh H với chị B.

[3] Về con chung: Giữa anh H với chị B có 01 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 04/7/2018. Xét thấy hiện tại cháu đang sống cùng mẹ chị B có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc con Nguyễn Ngọc Anh đến tuổi trưởng thành, việc này anh H cũng đồng ý cho chị B được chăm sóc nuôi dưỡng con chung đồng thời cháu Ngọc Anh cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ khi cha mẹ ly hôn, do vậy HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự giao con Nguyễn Ngọc Anh cho chị B tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh H không cấp dưỡng nuôi con do chị B không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, qua giải quyết các đương sự cùng khai không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết do vậy HĐXX không xét.

[5] Về án phí, án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, anh H yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố Tụng Dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử

Về hôn nhân: Ghi nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị B.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 04/7/2018 cho chị Nguyễn Thị B chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh H được quyền thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Về nợ chung: anh H và chị B cùng khai và xác nhận không có nợ chung nên không xem xét.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, anh H yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí và được khấu trừ vào án phí tạm nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0003894 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. (đã thực hiện xong).

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV8 – AG;
- Phòng THADS KV8 – AG;
- UBND xã Hòa Điền – AG;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thủy